

**Phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng  
Nam : Luận văn ThS. Kinh tế: 60 31  
01/ Nguyễn Thị Thanh Mai ; Nghd. :  
PGS.TS. Ngô Quang Minh**

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Trong giai đoạn CNH, HĐH, nông nghiệp vẫn được Đảng và Nhà nước ta xác định là một ngành rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Nghị quyết TW 5 khóa IX chỉ rõ: *"CNH, HĐH nông nghiệp là một quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn công nghiệp chế biến với thị trường, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại vào nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên thị trường"*.

Sau hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế thị trường nước ta có sự phát triển vượt bậc, nhưng trong tương quan so sánh quốc tế, ngành nông nghiệp vẫn còn trong tình trạng lạc hậu, quá trình phát triển chậm, khả năng thích ứng thấp. Tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp trong khu vực nông thôn lớn, ảnh hưởng khá nghiêm trọng đến đời sống nông dân.

Quảng Nam là một tỉnh duyên hải miền Trung được tách ra từ tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, với trên 80% dân số sống bằng nông nghiệp. Hiện nay, nông nghiệp Quảng Nam còn nhiều bất cập, cơ cấu chuyển dịch chậm, đời sống của người nông dân gặp nhiều khó khăn. Xuất phát

từ thực trạng trên, vấn đề “*Phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam*” được tôi chọn làm đề tài luận văn.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Các công trình khoa học nghiên cứu về phát triển nông nghiệp đã được công bố của các tác giả: Lê Quốc Sừ (2001); Đặng Kim Sơn, Hoàng Thu Hòa (2002); Đào Công Tiến (2003); Nguyễn Thế Nhã, Vũ Đình Thắng (2004); Vũ Trọng Khải, Trần Thái Hồng (2005); Nguyễn Kế Tuấn (2006); Bùi Thị Ngọc Lan (2007); Nguyễn Từ (2008); Phạm Thắng (2008)...

Một số luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ về phát triển kinh tế nông thôn hoặc phát triển nông nghiệp. Luận văn thạc sỹ của Nguyễn Trung Hiếu (2005); Đặng Thị Tố Tâm (2002); Luận án tiến sỹ của Nguyễn Thị Hồng Phấn (2004); Trần Thị Hồng Việt (2006)...

Một số nghiên cứu về cơ cấu kinh tế, về nông nghiệp sản xuất hàng hóa, về nông dân ở tỉnh Quảng Nam của các tác giả Phan Văn Phờ, Lê Thanh Châu, Nguyễn Quang Thanh...

Tuy nhiên, đến nay nghiên cứu về phát triển nông nghiệp của từng tỉnh, trong đó có Quảng Nam chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện dưới góc độ kinh tế chính trị học.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **3.1. Mục đích**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận phát triển nông nghiệp và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của một số tỉnh miền Trung, luận văn nghiên cứu thực trạng phát triển

nông nghiệp ở Quảng Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển trong những năm tới.

### **3.2. Nhiệm vụ**

- Phân tích đặc điểm, vai trò của nông nghiệp trong sự phát triển nền kinh tế và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của một số tỉnh miền Trung.

- Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp Quảng Nam từ tách tỉnh đến nay và chỉ ra những thành tựu, những hạn chế trong quá trình phát triển.

- Đề xuất quan điểm, định hướng và một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp Quảng Nam trong bối cảnh mới.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu luận văn**

### **4.1. Đối tượng**

Ở góc độ kinh tế chính trị, luận văn nghiên cứu sự vận động phát triển của ngành nông nghiệp Quảng Nam trong thời kỳ CNH, HĐH.

**4.2. Phạm vi nghiên cứu:** Tỉnh Quảng Nam từ năm 2001 đến nay.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Ngoài ra luận văn sử dụng một số phương pháp khác: phân tích - tổng hợp kinh tế, thống kê, xử lý số liệu, khảo sát thực tế, sơ đồ hóa, biểu đồ...

## **6. Dự kiến về những đóng góp mới của luận văn**

- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp Quảng Nam từ đó chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân.

- Đưa ra những quan điểm định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp Quảng Nam trong thời gian tới.

- Đóng góp thêm luận chứng khoa học cho phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay. Luận văn có thể làm tài liệu cho nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở các trường đại học và cao đẳng những nội dung liên quan.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng phát triển nông nghiệp của tỉnh Quảng Nam những năm qua.

**Chương 3:** Phương hướng và giải pháp đẩy nhanh phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam.

### **Chương 1**

## **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

**1.1. Vai trò của nông nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển nông nghiệp**

### **1.1.1. Khái niệm nông nghiệp**

*Nông nghiệp* (theo nghĩa hẹp) là ngành sản xuất ra của cải vật chất mà con người phải dựa vào quy luật sinh

trưởng của cây trồng, vật nuôi để tạo ra sản phẩm như lương thực, thực phẩm... để thỏa mãn nhu cầu của mình.

*Nông nghiệp* (theo nghĩa rộng) còn bao gồm cả lâm nghiệp và ngư nghiệp.

### ***1.1.2. Đặc điểm của nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay***

#### ***\* Đặc điểm chung***

Sản xuất nông nghiệp được tiến hành trên địa bàn rộng lớn, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên mang tính khu vực rõ rệt.

Ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu.

Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi.

Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.

#### ***\* Đặc điểm riêng của nông nghiệp Việt Nam***

Nông nghiệp nước ta đi từ lạc hậu tiến lên nông nghiệp sản xuất hàng hóa theo định hướng XHCN.

Là nền nông nghiệp nhiệt đới gió mùa có pha trộn tính chất ôn đới, do đó nó cũng có thuận lợi và khó khăn nhất định.

### ***1.1.3. Vai trò của nông nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân***

***1.1.3.1. Nông nghiệp cung cấp lương thực thực phẩm cho dân cư trong xã hội***

***1.1.3.2. Phát triển nông nghiệp tạo cơ sở và động lực cho quá trình CNH, HĐH đất nước***

Tạo nguồn vốn tích lũy cho quá trình CNH, HĐH.

Cung cấp nhân lực cho quá trình CNH, HĐH.

Là thị trường quan trọng cho công nghiệp và dịch vụ.

*1.1.3.3. Phát triển nông nghiệp tạo nên sự biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn*

***1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển nông nghiệp***

*1.1.4.1. Điều kiện tự nhiên là cơ sở tự nhiên của phân công lao động xã hội trong nông nghiệp.*

*1.1.4.2. Nguồn nhân lực Việt Nam cần cù, sáng tạo và đã bước đầu làm quen với cơ chế thị trường.*

*1.1.4.3. Trình độ thị trường tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, các quan hệ kinh tế và thiết chế kinh tế - xã hội tương ứng, cũng như phụ thuộc vào sự vận dụng các quy luật kinh tế của chủ thể kinh tế.*

*1.1.4.4. Sự tác động của hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật và thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại có tính quyết định đến sự phát triển nông nghiệp.*

*1.1.4.5. Tác động từ những chính sách của Nhà nước*

*\* Chính sách ruộng đất hợp lý có vai trò quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.*

*\* Chính sách tín dụng đáp ứng nhu cầu về vốn trong kinh tế NN, NT. Do đó cần xác định đối tượng, hình thức và lãi suất cho vay.*

*\* Chính sách đầu tư vốn hợp lý cho phép huy động nguồn vốn đáp ứng nhu cầu và phù hợp với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp.*

#### *1.1.4.6. Hội nhập kinh tế quốc tế*

Hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa mang lại những cơ hội và thách thức to lớn cho nền nông nghiệp Việt Nam.

### **1.2. Nội dung của phát triển nông nghiệp**

#### ***1.2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế NN, NT theo hướng CNH, HĐH***

Phát triển một nền nông nghiệp toàn diện.

Thực hiện chuyên môn hóa kết hợp kinh doanh tổng hợp.

Quy hoạch và chú trọng đầu tư thâm canh các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản.

Nâng cao hiệu quả chất lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm gắn với chế biến sản phẩm.

Phát huy lợi thế về thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả nghề rừng, kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp...

Phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn.

***1.2.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp:*** Cơ giới hóa; Thủy lợi hóa; Điện khí hóa; Phát triển công nghệ sinh học.

***1.2.3. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và các nguồn lực khác trong nông nghiệp***

*\* Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực trong NN, NT.* Muốn vậy, cần đào tạo và đầu tư cho nguồn nhân lực ở khu vực này.

*\* Khai thác và sử dụng các nguồn lực khác trong NN, NT như nguồn lực tài chính, nguồn lực đất đai, nguồn lực về văn hoá nông thôn và tâm lý dân cư nông thôn.*

**1.2.4. Xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng hiện đại phục vụ cho nông nghiệp** là nội dung, điều kiện để rút ngắn quá trình CNH, HĐH NN, NT. Muốn vậy, chúng ta cần xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với phát triển đô thị.

**1.2.5. Gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và với thị trường** góp phần nâng cao giá trị sử dụng và giá trị thương mại của sản phẩm nông nghiệp.

**1.2.6. Phát triển nông nghiệp bền vững** (bảo đảm môi trường xã hội, môi trường sinh thái)

Đảm bảo nhịp độ tăng trưởng ổn định, hiệu quả.

Giải quyết hiệu quả các vấn đề về xã hội trong khu vực NN, NT.

Phát triển bền vững nông nghiệp theo xu hướng nền nông nghiệp sinh thái.

**1.2.7. Quy hoạch phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới**

Cần quy hoạch đồng bộ, gắn chặt phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường.

Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ.

Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp.

Trong cơ cấu kinh tế của khu vực này có nhiều thành phần kinh tế.

### **1.3. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở một số tỉnh Miền trung**

#### ***1.3.1. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở TP Đà Nẵng***

Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của Việt Nam, là đầu mối giao thông quan trọng của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông. Đây là tiền đề để nông nghiệp thành phố phát triển bền vững.

Hiện nay, trình độ của nền nông nghiệp Đà Nẵng có những bước phát triển theo hướng CNH, HĐH: Số lượng một số sản phẩm nông nghiệp Đà Nẵng tăng so với các năm trước, đóng góp một phần đáng kể cho nền kinh tế của thành phố. Có được thành công trên, Đà Nẵng đã xây dựng cho mình một chiến lược đúng đắn cho sự phát triển nông nghiệp TP:

- + Thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng một thành phố phát triển, thành phố công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ.

- + Coi trọng chính sách kinh tế vĩ mô và khoa học kỹ thuật.

- + TP tập trung chú trọng đến yếu tố con người

- + Phát triển nông nghiệp đô thị gắn với du lịch sinh thái.

- + Xây dựng và phát triển các thư viện, thư viện điện tử.

#### ***1.3.2. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở Bình Định***

Bình Định là một tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam, có điều kiện kinh tế xã hội - tự nhiên gần giống với tỉnh Quảng Nam. Hiện nay, Bình Định đang tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp toàn diện, tăng trưởng bền vững và đã đạt được những thành tựu hết sức khả quan.

Để đạt được thành tựu trên, Bình Định đã xây dựng cho mình một kế hoạch phát triển đúng đắn:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh CNH, HĐH NN, NT, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá.

*Thứ hai*, thường xuyên mở lớp tập huấn khuyến ngư.

*Thứ ba*, xây dựng trường dạy nghề nông nghiệp và phát triển nông thôn; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ.

*Thứ tư*, hợp tác nông nghiệp với các tỉnh, thành phố khác để tận dụng thế mạnh của từng vùng và đảm bảo yêu cầu phát triển lâu dài.

### ***1.3.3. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp ở tỉnh Khánh Hòa***

Khánh Hoà là một tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam, có đường bờ biển dài và có điều kiện tự nhiên gần giống Quảng Nam.

Hiện nay, Khánh Hoà đang tập trung phát triển nông nghiệp ổn định và bền vững. Biện pháp:

*Thứ nhất*, hợp tác phát triển nông, lâm nghiệp với thành phố Hồ Chí Minh trên nhiều nội dung.

*Thứ hai*, có chính sách hỗ trợ, đầu tư để đón đầu công nghệ.

*Thứ ba*, xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp.

*Thứ tư*, định hướng sản xuất nông nghiệp gắn với sử dụng hiệu quả vốn kích cầu của Chính phủ.

*Thứ năm*, đầu tư phát triển ngành thủy sản với quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hoá.

#### ***1.3.4. Một số bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Quảng Nam***

- Xác định được mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp.

- Cần đầu tư thích đáng cho khu vực NN, NT.

- Phát triển NN, NT gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Phát triển NN, NT gắn liền với vấn đề xóa đói, giảm nghèo.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp phù hợp với quy luật thị trường.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH QUẢNG NAM NHỮNG NĂM QUA**

#### **2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến phát triển nông nghiệp Quảng Nam**

##### ***2.1.1. Vị trí địa lý***

Quảng Nam thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, nằm ở trung tâm của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Quảng Nam tiếp giáp với Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Kom Tum, Lào và phía Đông giáp với biển Đông rộng lớn. Do đó, Quảng Nam có nhiều điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng.

### **2.1.2. Địa hình**

#### *2.1.2.1. Địa hình miền núi và trung du*

Đối với khu vực miền núi, trung du chủ yếu là các hoạt động lâm nghiệp, nông nghiệp. Khu vực trung du, đồng bằng hoạt động chủ yếu là nông nghiệp.

#### *2.1.2.2. Địa hình đồng bằng ven biển*

Địa hình đồng bằng ven biển có quy mô tương đối nhỏ, hoạt động chủ yếu là ngư nghiệp.

### **2.1.3. Đất đai**

Quảng Nam có nhiều loại đất khác nhau thích hợp cho việc trồng các loại cây lương thực và cây công nghiệp. Nhìn chung đất đai của Quảng Nam không được màu mỡ.

### **2.1.4. Khí hậu**

Khí hậu Quảng Nam phân hoá thành mùa mưa và mùa khô nhưng không rõ rệt. Ngoài ra, Quảng Nam còn chịu tác động sâu sắc và thường xuyên của các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt. Điều kiện khí hậu cùng với yếu tố địa hình đã ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

### **2.1.5. Tài nguyên thiên nhiên**

#### *2.1.5.1. Tài nguyên rừng*

Diện tích rừng Quảng Nam tương đối lớn, có thể khai thác gỗ và nhiều loại lâm sản quý hiếm. Tuy nhiên, diện tích rừng phân bố, nhiều nơi khó khai thác và vận chuyển.

#### *2.1.5.2. Tài nguyên biển*

Quảng Nam có bờ biển dài với hai ngư trường có trữ lượng hải sản lớn, có giá trị, cho phép phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch biển.

#### *2.1.5.3. Tài nguyên nước*

Mật độ sông ngòi ở Quảng Nam tương đối lớn, thuận lợi cho việc cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân. Đồng thời, cho phép xây dựng nhiều nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.

#### **2.1.6. Dân số và nguồn lực lao động**

Dân cư tập trung chủ yếu ở các vùng đồng bằng, còn ở miền núi, trung du còn thưa thớt.

Chất lượng nguồn lao động của Quảng Nam trong những năm qua đã có bước tiến bộ đáng kể nhưng vẫn còn thấp.

#### **2.1.7. Kết cấu hạ tầng kinh tế**

##### *2.1.7.1. Mạng lưới giao thông*

Mạng lưới giao thông của Quảng Nam tương đối phát triển và đồng bộ, với sự có mặt của tất cả các loại hình giao thông góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

##### *2.1.7.2. Mạng lưới điện và thông tin liên lạc*

Mạng lưới điện Quảng Nam được chú ý phát triển; Hạ tầng thông tin liên lạc tương đối hoàn chỉnh đang góp

phần phát triển nông nghiệp, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân.

### 2.1.8. Về truyền thống văn hóa lịch sử

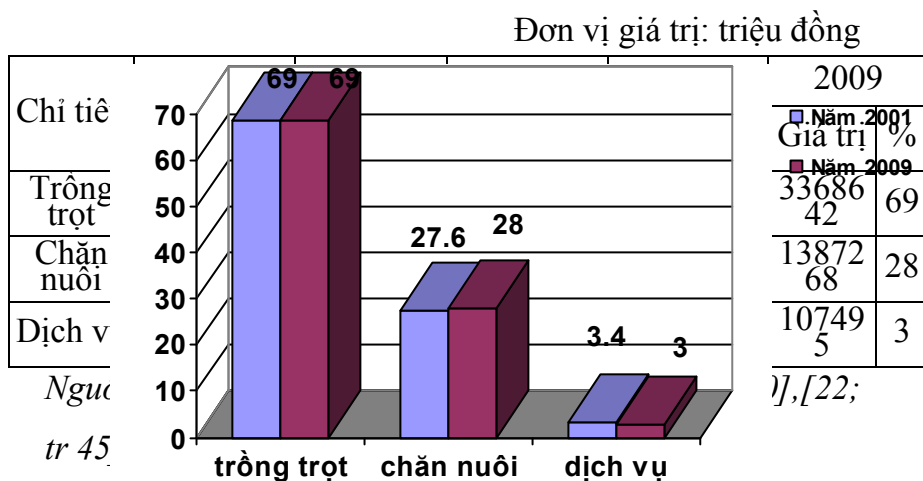
Người Quảng Nam vẫn phát huy được truyền thống tốt đẹp của quê hương trong chiến đấu chống ngoại xâm và thiên tai. Họ tích cực trong công cuộc đổi mới, dồn sức xây dựng và phát triển XHCN.

## 2.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam từ năm 2001 đến nay

### 2.2.1. Tình hình phát triển nông nghiệp Quảng Nam từ năm 2001 đến nay

2.2.1.1. Tình hình phát triển nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi).

**Bảng 2.1.** Cơ cấu và giá trị sản xuất nông nghiệp. Giá hiện hành





**Biểu đồ 2.1. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp**

**\* Trồng trọt**

Trên địa bàn Quảng Nam phát triển nhiều loại, nhóm cây trồng.

**Bảng 2.2. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp**

Đơn vị: ha

| Chỉ tiêu                               | 2002     | 2003     | 2004     | 2008   |
|----------------------------------------|----------|----------|----------|--------|
| Đất nông nghiệp và mặt nước nuôi trồng | 111464   | 113264   | 113823   | 170851 |
| Trong đó                               |          |          |          |        |
| Đất nông nghiệp                        | 49386    | 49659    | 49735    | 83805  |
| Đất trồng cây hàng năm                 | 2122     | 2220     | 2228     | 73790  |
| Đất trồng cây lâu năm                  | 6        | 8        | 5        | 10015  |
| Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản       | 72972022 | 80582051 | 82362234 | 3241   |

Nguồn: [16; tr 42], [17; tr 44], [18; tr 39], [20; tr 50], [21; tr 40]

Số liệu bảng trên cho thấy, diện tích đất nông nghiệp mỗi năm chỉ tăng lên khoảng 600 ha.

- *Cây lương thực* chiếm tỷ trọng lớn cả về diện tích và sản lượng. Diện tích cây lương thực có xu hướng giảm nhưng sản lượng không ngừng tăng lên hàng năm.

**Bảng 2.3. Diện tích và sản lượng một số cây lương thực**

| Năm | Diện tích (ha) |     |     | Sản lượng (tấn) |     |     |
|-----|----------------|-----|-----|-----------------|-----|-----|
|     | Tông           | Lúa | Ngô | Tông            | Lúa | Ngô |

|          |            |           |           |            |            |           |
|----------|------------|-----------|-----------|------------|------------|-----------|
|          | số         |           |           | số         |            |           |
| 200<br>0 | 1033<br>77 | 944<br>70 | 890<br>7  | 3564<br>52 | 3299<br>58 | 264<br>94 |
| 200<br>2 | 9772<br>3  | 879<br>27 | 979<br>6  | 3783<br>73 | 3437<br>25 | 346<br>48 |
| 200<br>4 | 9703<br>9  | 863<br>91 | 106<br>48 | 4268<br>93 | 3839<br>79 | 429<br>14 |
| 200<br>6 | 9525<br>4  | 836<br>31 | 116<br>23 | 4334<br>35 | 3851<br>59 | 482<br>76 |
| 200<br>9 | 9914<br>5  | 866<br>64 | 124<br>81 | 4445<br>54 | 3944<br>12 | 501<br>42 |

Nguồn: [16; tr 50], [18; tr 49], [20; tr 53], [22; tr 51]

- *Cây thực phẩm* được Quảng Nam chú trọng phát triển trong những năm gần đây.

- *Cây công nghiệp ngắn ngày* có diện tích và sản lượng không lớn trong cơ cấu của ngành trồng trọt.

**Bảng 2.6.** Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp ngắn ngày

| Cây<br>các<br>loại | 2004                 |                       | 2006                 |                       | 2009                 |                       |
|--------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                    | Diện<br>tích<br>(ha) | Sản<br>lượng<br>(tân) | Diện<br>tích<br>(ha) | Sản<br>lượng<br>(tân) | Diện<br>tích<br>(ha) | Sản<br>lượng<br>(tân) |
| Bông               | 3.030                | 5.348                 | 1.477                | 3.510                 | 261                  | 573                   |
| Đay                | 75                   | 401                   | 79                   | 427                   | 17                   | 96                    |
| Cối                | 244                  | 1.512                 | 288                  | 1.811                 | 219                  | 1.425                 |
| Mía                | 2.110                | 87.530                | 1.507                | 45.888                | 578                  | 24.298                |
| Lạc                | 8.484                | 10.673                | 9.550                | 15.104                | 10.264               | 14.285                |
| Vùng               | 2.250                | 1.030                 | 1.943                | 969                   | 2643                 | 1.579                 |
| Thuộc<br>lá        | 768                  | 1.367                 | 647                  | 1.376                 | 486                  | 1046                  |

Nguồn: [18; tr 58], [20; tr 56], [22; tr 55]

- *Cây lâu năm*: Cây ăn quả lâu năm có xu hướng tăng về diện tích; *Cây công nghiệp lâu năm* có quy mô và diện tích không lớn, nhưng có nhiều loại có giá trị và chất lượng tốt.

**Bảng 2.8.** Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm.

| Loại cây       | 2005           |                 | 2009           |                 |
|----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                | Diện tích (ha) | Sản lượng (tấn) | Diện tích (ha) | Sản lượng (tấn) |
| Tổng diện tích | 5.418          | 10.754          | 6.717          | 6492            |
| Chè búp        | 1.015          | 2.231           | 525            | 896             |
| Cao su         | 2.542          | 2               | 4.189          | 1.174           |
| Hồ tiêu        | 254            | 139             | 392            | 383             |
| Điều           | 1.667          | 2.197           | 1370           | 2.204           |
| Dầu dừa        | 960            | 6.176           | 241            | 1.835           |

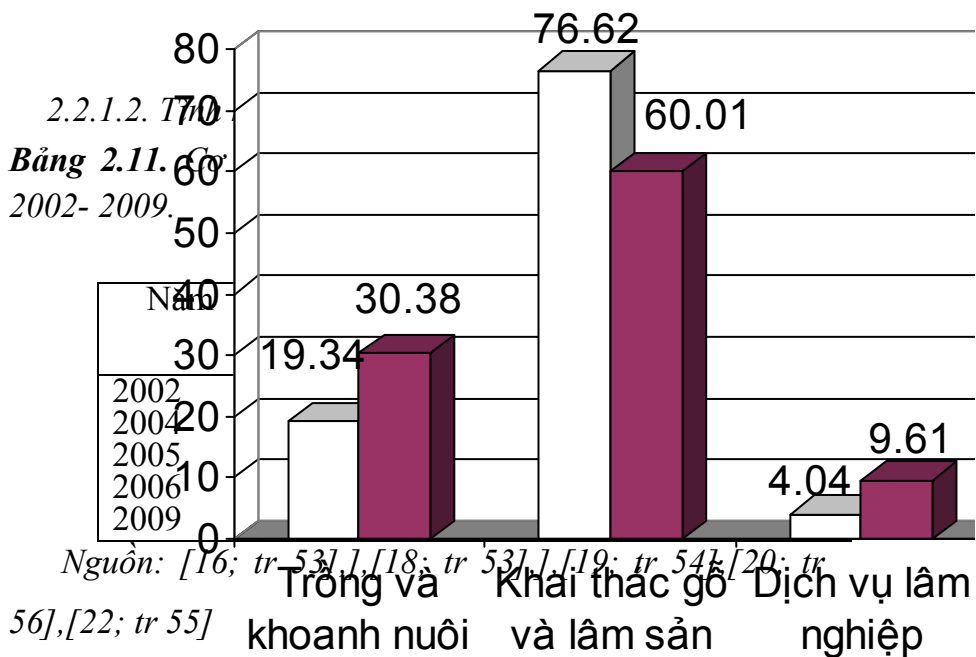
Nguồn: [19; tr 58],[22; tr 56]

\* *Chăn nuôi* chiếm một vị trí đáng kể trong nông nghiệp. Tuy nhiên, tỷ trọng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và điều kiện sẵn có. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi vẫn có sự biến động.

**Bảng 2.9.** Số lượng gia súc, gia cầm tỉnh Quảng Nam từ 2002- 2009

| Năm  | Trâu   | Bò      | Lợn     | Gia cầm   |
|------|--------|---------|---------|-----------|
| 2002 | 56.479 | 176.352 | 526.509 | 4.031.499 |
| 2004 | 59.274 | 177.626 | 555.812 | 4.082.240 |
| 2006 | 78.977 | 233.678 | 587.875 | 3.526.569 |
| 2009 | 79.583 | 210.287 | 578.480 | 3.531.008 |

Nguồn: [19; tr 58],[22; tr 56]



**Biểu đồ 2.2.** Cơ cấu giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp

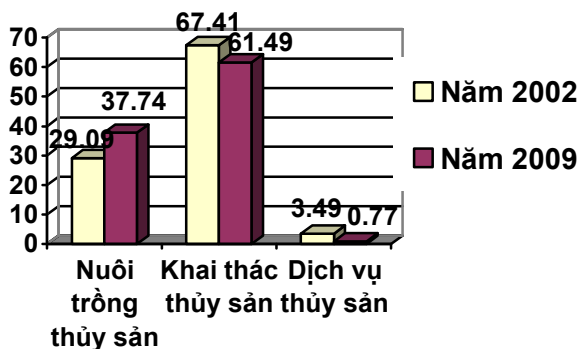
### 2.2.1.3. Tình hình phát triển thủy sản

**Bảng 2.13.** Cơ cấu giá trị sản xuất của ngành thủy sản

Đơn vị: %

| Năm  | Nuôi trồng thủy sản | Khai thác thủy sản | Dịch vụ thủy sản |
|------|---------------------|--------------------|------------------|
| 2002 | 29,09               | 67,41              | 3,49             |
| 2004 | 29,75               | 66,48              | 3,77             |
| 2005 | 23,27               | 73,53              | 3,20             |
| 2006 | 24,75               | 72,47              | 2,8              |
| 2009 | 37,74               | 61,49              | 0,77             |

Nguồn: [16; tr 57],[18; tr 60],[19; tr 61],[20; tr 62],[22; tr 63]



### ***Biểu đồ 2.3. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành thủy sản***

- Hoạt động nuôi trồng thủy sản không ngừng tăng lên.
- Hoạt động đánh bắt thủy sản trong những năm qua, có tốc độ tăng trưởng nhanh cả về quy mô và tỷ trọng.
- Hoạt động dịch vụ thủy sản có quy mô nhỏ.

#### ***2.2.1.4. Tình hình phát triển mô hình kinh tế trang trại***

*Về số lượng trang trại không ngừng tăng lên.*

*Về cơ cấu theo cây trồng, vật nuôi, trang trại lâm nghiệp chiếm số lượng lớn nhất.*

*Về sử dụng lao động trong các trang trại:* Chủ trang trại chưa qua đào tạo tuy nhiên đã tạo việc làm cho 8.666 lao động

*Về hiện trạng sử dụng đất:* quy mô trang trại ở Quảng Nam rất nhỏ.

*Về số lượng gia súc gia cầm chăn nuôi trong các trang trại rất nhỏ so với cả nước trong giai đoạn hiện nay.*

*Thu nhập của các trang trại bình quân là 70,73 triệu đồng/trang trại.*

*2.2.1.5. Tình hình phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn phục vụ cho nông nghiệp đã có cải thiện nhưng vẫn còn nhiều yếu kém.*

*2.2.1.6. Tình hình phát triển công nghiệp chế biến và hệ thống dịch vụ nông nghiệp*

*- Tình hình phát triển công nghiệp chế biến có xu hướng tăng lên hàng năm đóng góp một giá trị lớn trong kim ngạch xuất khẩu.*

*- Hệ thống dịch vụ nông nghiệp ngày càng tăng tuy nhiên, giá trị sản xuất của hệ thống này còn thấp trong cơ cấu ngành.*

*2.2.1.7. Tình hình phát triển nông nghiệp bền vững ở, Quảng Nam mới chỉ diễn ra chủ yếu ở một số huyện, thị xã, thành phố đồng bằng.*

## **2.3. Đánh giá chung quá trình phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam**

***2.3.1. Những thành tựu nổi bật trong quá trình phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam từ năm 2001 đến nay***

*- Sản xuất nông nghiệp và sản lượng nông sản hàng hóa tăng tương đối nhanh.*

*- Cơ cấu kinh tế NN, NT đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa.*

- Kinh tế trang trại từng bước phát triển và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Kết cấu hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp ngày càng được hoàn thiện theo hướng hiện đại.

### ***2.3.2. Những hạn chế, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam từ năm 2001 đến nay***

#### ***2.3.2.1. Những hạn chế chủ yếu***

- Sản xuất nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH còn chậm chạp.

- Kết cấu hạ tầng còn lạc hậu và thiếu.

- Chất lượng, tỷ suất hàng nông sản thấp, sức cạnh tranh kém.

- Các tổ chức kinh tế bảo trợ rủi ro và hỗ trợ phát triển trong nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của sự phát triển.

#### ***2.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế nói trên***

Việc xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực chưa thật sự rõ ràng.

Hệ thống thị trường thiếu đồng bộ, còn nhiều bất cập.

Nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng NN, NT còn hạn chế.

#### ***2.3.2.3. Một số vấn đề đặt ra giải quyết đối với quá trình phát triển nông nghiệp Quảng Nam trong giai đoạn tiếp theo***

- + Chuyển dần từ nền sản xuất nhỏ sang nền sản xuất lớn.

- + Chuyển đổi cây trồng theo hướng trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn.
- + Đa dạng hóa các loại cây trồng vật nuôi.
- + Áp dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật canh tác.
- + Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng.
- + Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững.
- + Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao trong nông nghiệp.

### **Chương 3**

## **QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH QUẢNG NAM**

### **3.1. Phương hướng phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới**

Phấn đấu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong CNH, HĐH NN, NT

Xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế NN, NT theo hướng đa dạng hoá và hợp lý.

Kết hợp chặt chẽ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, công nghệ chế biến, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng đô thị hoá.

## **3.2. Giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Nam**

### **3.2.1. Hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển toàn diện NN, NT theo hướng CNH, HĐH**

*3.2.1.1. Quy hoạch sử dụng đất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng khai thác triệt để tiềm năng đất của từng vùng.*

*3.2.1.2. Quy hoạch phát triển công nghiệp và dịch vụ*

Cần phát triển mạnh công nghiệp và quy hoạch lại các loại hình dịch vụ ở mức cao hơn tạo đòn bẩy thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

*3.2.1.3. Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế nông thôn phải đi trước một bước để phát triển nông nghiệp.*

### **3.2.2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh một số cây trồng, vật nuôi chủ lực mà Quảng Nam có lợi thế.**

*3.2.2.1. Phát triển cây ngắn ngày*

Quảng Nam phải quy hoạch và tổ chức phát triển nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng miền, từng huyện.

*3.2.2.2. Phát triển cây công nghiệp dài ngày*

Quảng Nam cần có phương án chuyển đổi một số diện tích cây trồng thuộc rừng kém hiệu quả sang trồng cây cao su và cây điều.

*3.2.2.3. Phát triển mạnh vùng cây ăn quả tập trung*

Quảng Nam cần xây dựng dự án đồng bộ về phát triển cây chuối và dựa với quy mô lớn, bố trí lại quy hoạch phù hợp với thực tế.

#### *3.2.2.4. Đẩy mạnh phát triển cây lâm nghiệp*

Quảng Nam cần đẩy nhanh việc rà soát, quy hoạch ba loại rừng, đồng thời bố trí diện tích cây trồng rừng cho phù hợp.

*3.2.2.5. Phát triển mạnh chăn nuôi* theo hướng quy hoạch thành cụm, vùng tập trung, cải tạo chất lượng giống, chế biến thức ăn tại chỗ, xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, xây dựng nhà máy chế biến thịt hộp với quy mô lớn.

#### *3.2.2.6. Phát triển nuôi trồng thủy sản*

Cần có quy hoạch tổng thể, triển khai cho các địa phương và có sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tốt.

Cần quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng cho các vùng sản xuất giống; Có biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn giống triệt để.

Ưu tiên phát triển công nghệ sản xuất giống, bảo quản giống và bảo quản sau thu hoạch; xử lý môi trường; chế biến thức ăn.

### ***3.2.3. Đẩy mạnh phân công và phân công lại lao động xã hội trong NN, NT***

- Phân công lại lao động trong nội bộ ngành nông nghiệp.

- Dành một phần lao động để phát triển giao thông, vận tải, thương nghiệp, dịch vụ nông thôn và chế biến nông sản.

- Phân công lại lao động giữa các vùng sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng các khu kinh tế mới, phát triển kinh tế trang trại.

- Đẩy mạnh việc xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm.

#### ***3.2.4. Phát triển các hình thức dịch vụ nông nghiệp phục vụ cho quá trình phát triển nông nghiệp***

Có chiến lược phát triển các hình thức dịch vụ nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động dịch vụ nông nghiệp.

#### ***3.2.5. Khuyến khích phát triển mạnh các thành phần kinh tế trong nông nghiệp***

*3.2.5.1. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống doanh nghiệp nhà nước trong NN, NT*

*3.2.5.2. Thúc đẩy phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp*

*3.2.5.3. Xây dựng và phát triển kinh tế hộ nông dân thành đơn vị sản xuất hàng hóa gắn liền với đổi mới doanh nghiệp nhà nước*

### ***3.2.6. Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn để thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp theo hướng nền kinh tế thị trường***

- Tập trung ưu tiên cho các chương trình thủy lợi
- Khuyến khích phát triển giao thông nông thôn theo từng vùng.
- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống.
- Phát triển hệ thống lưới điện, hệ thống bưu chính, viễn thông, xây dựng chợ đầu mối nông sản và phát triển hệ thống chợ nông thôn.
- Đầu tư cho khuyến nông, nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, kiên cố hóa trường học, xây dựng các trung tâm, nhà văn hóa - thể thao.
- Thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới.

### ***3.2.7. Thực hiện tốt các chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp***

#### ***3.2.7.1. Chính sách về giải quyết vấn đề vốn***

Tăng cường vốn đầu tư từ ngân sách của nhà nước.

Thu hút nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế.

Phát triển đa dạng các hình thức tín dụng cho nông thôn.

#### ***3.2.7.2. Chính sách thị trường đối với phát triển nông nghiệp***

*Thứ nhất, đối với thị trường đầu vào cho phát triển nông nghiệp.*

- + Cần có hoạch định chặt chẽ.
- + Sắp xếp đổi mới về thủ tục giấy tờ.
- + Tổ chức và quản lý tốt thị trường sức lao động ở nông thôn.

+ Từng bước hình thành và phát triển thị trường đất đai.

*Thứ hai, đối với thị trường đầu ra cho phát triển nông nghiệp*

- + Đẩy mạnh sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp.
- + Đẩy mạnh việc xúc tiến thương mại.
- + Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- + Phát triển mạng lưới lưu thông nông sản hợp lý.
- + Gắn chính sách tiêu thụ nông sản với chính sách thị trường.

*3.2.7.3. Chính sách khoa học công nghệ và khuyến nông*

Phải gắn trực tiếp với sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Đẩy mạnh công tác khuyến nông.

## KẾT LUẬN

Trong thời đại ngày nay, nông nghiệp có vai trò không chỉ dừng lại ở việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho đời sống, nguyên liệu cho công nghiệp; mà nó còn là thị trường rộng lớn của công nghiệp và các ngành khác.

Nông nghiệp trực tiếp liên quan đến vấn đề môi sinh, vấn đề xây dựng và phát triển nông thôn... Đó chính là xuất phát điểm của phát triển hay chuyển đổi kinh tế từ NN, NT.

Nước ta nói chung, tỉnh Quảng Nam nói riêng có tỷ trọng nông nghiệp lớn, lại chủ yếu là sản xuất nhỏ; NN, NT càng có vị trí đặc biệt quan trọng.

Phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH, là một trong những nội dung và định hướng phát triển kinh tế chủ yếu của thời kỳ CNH, HĐH ở nước ta nói chung và tỉnh Quảng Nam nói riêng.

Phát triển nông nghiệp ở Quảng Nam có vai trò quan trọng và có ý nghĩa to lớn trong việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội cả trước mắt và lâu dài, mà trước hết là đối với chính sách bản thân NN, NT. Điều đó được thể hiện ở chỗ là phải đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH NN, NT. Đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến trên địa bàn và nông sản xuất khẩu, nâng cao thu nhập và mức sống cho nông dân. Đồng thời, làm thay đổi phong cách tri trệ, đổ kỵ, bảo thủ và tạo ra sự khôn

ngoan, chủ động của người nông dân. Điều này tạo nên sự biến đổi sâu sắc trong NN, NT. Trên cơ sở phát triển nông nghiệp để dần dần tăng năng suất lao động, năng suất đất đai, tạo điều kiện cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kỹ thuật NN, NT và làm cho phân công lao động trong nông nghiệp ngày càng sâu sắc hơn.

Trong thời gian qua, đặc biệt là thời kỳ (2006 -2010), thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX về phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, sản xuất nông nghiệp có một bước tiến đáng kể. Điều đó được thể hiện trên nhiều mặt, những nét nổi bật là tỷ suất hàng hóa và khối lượng nông sản ngày càng tăng lên, thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn được cải thiện... Song nhìn chung, nông nghiệp và nông thôn Quảng Nam vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, lạc hậu, cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém, đầu tư của Nhà nước còn quá thấp, nền nông nghiệp chưa khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh vốn có và chưa ngang tầm với yêu cầu của đẩy mạnh CNH, HĐH.

Chính vì vậy, các giải pháp trong đề tài đều xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đẩy nhanh quá trình phát triển nông nghiệp để vận dụng vào điều kiện thực tế phát triển nông nghiệp ở Quảng Nam. Mỗi giải pháp, mỗi chính sách đều mang yếu tố động lực, giải quyết một mặt của vấn đề. Tuy nhiên, do đặc thù của sự phát triển và thực tế ở Quảng Nam nên phải xem xét và giải quyết thực hiện các giải pháp, chính sách trong tính đồng bộ, tổng thể thì mới tạo ra sức mạnh tổng lực, tạo ra

một bước phát triển đột phá về nông nghiệp trong thời gian tới. Đồng thời giúp ngành nông nghiệp tỉnh phát triển mạnh theo hướng CNH, HĐH.